

Số: 1448/QĐ-UBND

An Giang, ngày 23 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000
cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh,
huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 03/4/2008;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1364/TTr-SXD ngày 17/7/2015 về việc thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang do Công ty TNHH Tư vấn & Đầu tư Xây dựng Tiến Mộc lập, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

2. Phạm vi quy hoạch: khu vực quy hoạch thuộc xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, có tứ cận như sau:

- Phía Tây Bắc giáp: kênh 600 Hòa Hưng Trên;
- Phía Tây Nam giáp: kênh Nhà Thiết;
- Phía Đông Bắc giáp: đất ruộng;
- Phía Đông Nam giáp: khu dân cư hiện trạng và kênh Chắc Cà Dao;

3. Tính chất:

- Là cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

- Thay đổi hình thức sản xuất gạch đất sét nung thủ công bằng hình thức sản xuất vật liệu công nghệ tiên tiến và sản xuất vật liệu xây không nung.

4. Quy mô:

- Diện tích quy hoạch : 209.448 m².

- Dân số : 900 người.

5. Quy hoạch sử dụng đất: Được phân thành các khu chức năng sau:

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Khu điều hành, dịch vụ	3.537	1,7
	+ Khu điều hành, ăn uống, giải khát	2.150	
	+ Trạm biến áp	1.387	
2	Đất công nghiệp – nhà máy	148.917	71,1
	+ Khu sản xuất VLXD gạch nung	77.762	
	+ Khu sản xuất VLXD không nung	71.155	
3	Đất cây xanh cách ly, đê bao	22.488	10,7
4	Giao thông	34.506	16,5
	+ Giao thông thủy	18.728	
	+ Giao thông bộ	15.778	
	Tổng	209.448	100

5.1. Khu điều hành, dịch vụ (ký hiệu DH, DV): diện tích 2.150 m², chiếm 1,0% diện tích quy hoạch, bố trí phía Đông kênh đào. Trong khu dịch vụ bố trí trung tâm điều hành, khu dịch vụ công cộng và căn tin – giải khát.

5.2. Đất xây dựng cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng (ký hiệu CN): diện tích 148.917m², chiếm 71,10% diện tích quy hoạch, gồm 23 lô đất (diện tích từ 4.740 ÷ 9.895m²/lô), bố trí bám theo đường số 1, đường số 2.

- Khu sản xuất vật liệu xây dựng gạch nung, dây chuyền Hoffmam chiếm diện tích: 77.762m² bố trí ở phía Tây Nam khu quy hoạch và nằm phía bờ Tây kênh đào, gồm 08 lô đất (diện tích từ 9.615 ÷ 9.895m²/lô).

- Khu sản xuất vật liệu xây không nung chiếm diện tích: 71.155m² bố trí ở phía Đông Bắc khu quy hoạch và nằm phía bờ Đông kênh đào, gồm 15 lô đất (diện tích từ 4.740 ÷ 4.747m²/lô).

5.3. Đất xây dựng khu kỹ thuật (ký hiệu TBA): diện tích 1.387m², chiếm 0,7% diện tích quy hoạch và được bố trí phía Tây kênh đào.

5.4. Đất giao thông: gồm giao thông thủy và giao thông bộ với diện tích 34.506m², chiếm 16,5% diện tích quy hoạch, bố trí ở giữa khu quy hoạch và được nối với nhau ở cuối đoạn kênh đào và đây cũng chính là giao thông đối nội, đối ngoại cho toàn khu quy hoạch.

- Giao thông bộ: diện tích 15.778m², chiếm 7,6% diện tích quy hoạch, gồm vỉa hè, đường số 1, đường số 2, bố trí hai bên kênh đào ở giữa khu quy hoạch.

- Giao thông thủy: diện tích 18.728m², chiếm 8,9% diện tích quy hoạch được bố trí ở giữa khu quy hoạch.

5.5. Đất cây xanh, đê bao (ký hiệu CX): diện tích 22.488m², chiếm 10,7% diện tích quy hoạch.

6. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. San nền:

- San nền đến cao trình : +3,5 m (chống lũ triệt để).

- Độ dốc nền thiết kế : $i_{\text{nền}} \leq 0,002$

6.2. Thoát nước: Chọn giải pháp thoát nước riêng.

a. Thoát nước mưa: Bố trí cống BTCT Ø 800 trên 02 tuyến giao thông chính, thoát ra kênh đào.

b. Thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt phải qua xử lý bằng hầm tự hoại.

6.3. Giao thông:

a. Đường bộ:

- Trục giao thông chính (đường số 01, đường số 2), mặt cắt (1-1) lộ giới: 13,5m (5-7-1,5). Chỉ giới xây trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Đường giao thông đối ngoại (đường Võ Văn Hoài), mặt cắt (3-3) lộ giới: 9,0m (1,5-6-1,5). Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ 5,5m.

- Trục giao thông nội bộ, mặt cắt (5-5) lộ giới: 9,0m (1,5-6-1,5). Chỉ giới xây trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Trục giao thông nội bộ, mặt cắt (6-6) lộ giới: 9,0m (1,5-6-1,5). Chỉ giới xây trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Tải trọng đường : 8 tấn.

- Cao trình mặt đường : +3,5m.

b. Đường thủy:

- Giao thông thủy: kênh đào, kênh Chắc Cà Dao.

- Đào kênh ở giữa khu quy hoạch đảm bảo ghe thuyền lưu thông 2 chiều.

+ Chiều dài kênh : 468m.

+ Chiều rộng mặt kênh : 40m.

+ Hệ số mái : 1:1,5.

+ Chiều sâu : -5,0m (so với mặt đường quy hoạch).

- Mỗi nhà máy đều có bến riêng để nhập nguyên liệu và xuất thành phẩm nên không cần đầu tư xây dựng bến thủy nội địa tập trung vì như vậy sẽ làm tăng giá thành do phải thêm một khâu trung chuyển.

- Cầu bắt qua kênh Chắc Cà Dao:

- + Tải trọng cầu : 8 tấn
- + Cầu BTCT bề rộng cầu : 7,6m
- + Chiều dài : 45m
- + Độ dốc dọc : 7%
- + Độ dốc ngang : 2%
- + Chiều cao thông thủy : 3,0m (so với đỉnh lũ năm 2012).

6.4. Cấp điện:

- Nguồn điện cung cấp cho Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh lấy từ trạm biến áp 220/110kv nằm ở phía Đông kênh Chắc Cà Dao.

- Tiêu chuẩn cấp điện: 250 kw/ha.

6.5. Cấp nước:

- Nước sử dụng cho sản xuất được các nhà máy lấy trực tiếp từ nước sông qua hệ thống kênh đào.

- Nước sinh hoạt được cung cấp từ hệ thống cấp nước khu vực với hệ thống ống chạy dọc tuyến đường Võ Văn Hoài và truyền dẫn vào khu quy hoạch bằng các cấu kiện phụ liên kết vào kết cấu nhịp cầu bắc qua kênh Chắc Cà Dao.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 80 – 100 lít/người.ngày.đêm.

6.6. Thông tin liên lạc:

Xây dựng mạng lưới thông tin kỹ thuật số như điện thoại, Intrenet, ...đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành.

6.7. Rác thải và vệ sinh môi trường:

- *Cây xanh*: Trồng cây xanh phân cách, chống bụi, cải tạo vi khí hậu, kết hợp tạo cảnh quan môi trường.

- *Rác thải*: Rác thải được thu gom và vận chuyển đến bãi rác chung của huyện.

- + Tiêu chuẩn rác thải : 1,0 kg/người/ngày.
- + Tỷ lệ thu gom rác thải : 95% tổng lượng rác.

Điều 2. Ban hành kèm theo quyết định này là bản Điều lệ quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Điều 3. Giao cho UBND huyện Châu Thành phối hợp với Sở Xây dựng:

1. Tổ chức công bố đồ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Chỉ đạo việc thực hiện đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu

Thành, tỉnh An Giang. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Châu Thành, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- TT.TU, TT. HĐND;
- TT. UBND tỉnh;
- Các sở: XD, CT, TN&MT, KH&ĐT;
- UBND huyện Châu Thành;
- VP. UBND tỉnh: CVP & P: ĐTXD, KT;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Anh Kiệt

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG
THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/2000
CỤM CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG
XÃ HÒA BÌNH THẠNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 23/7/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1.1. Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang quy định việc sử dụng đất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm cảnh quan kiến trúc, bảo vệ môi trường trong xây dựng và khai thác sử dụng các công trình trong ranh giới quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã được phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2015;

1.2. Căn cứ vào hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang được duyệt và các quy định tại bảng Quy định này, UBND huyện Châu Thành chỉ đạo tổ chức thực hiện và quản lý xây dựng theo quyền hạn, trách nhiệm được giao; Thỏa thuận địa điểm, tổ chức cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp, hướng dẫn việc triển khai các dự án đầu tư, thỏa thuận các giải pháp kiến trúc, quy hoạch cho các công trình xây dựng theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 2. Ranh giới, quy mô, tính chất khu vực lập quy hoạch

2.1. Ranh giới: Vị trí, giới hạn khu vực quy hoạch thuộc xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, có tứ cận như sau:

- Phía Tây Bắc giáp: kênh 600 Hòa Hưng Trên;
- Phía Tây Nam giáp: kênh nhà thiết;
- Phía Đông Bắc giáp: đất ruộng;
- Phía Đông Nam giáp: khu dân cư hiện trạng và kênh Chắc Cà Dao;

2.2. Qui mô:

- Diện tích quy hoạch 20,94 ha.
- Dân số: 900 người.

2.3. Tính chất:

- Là cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.
- Thay đổi hình thức sản xuất gạch đất sét nung thủ công bằng hình thức sản xuất vật liệu xây công nghệ tiên tiến và sản xuất vật liệu xây không nung.

2.4. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích trong khu quy hoạch là 20,94 ha, được phân thành các khu chức năng sau:

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	Loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Khu điều hành, dịch vụ	3.537	1,7
	+ Khu điều hành, ăn uống, giải khát	2.150	
	+ Trạm biến áp	1.387	
2	Đất công nghiệp – nhà máy	148.917	71,1
	+ Khu sản xuất VLXD gạch nung	77.762	
	+ Khu sản xuất VLXD không nung	71.155	
3	Đất cây xanh cách ly, đê bao	22.488	10,7
4	Giao thông	34.506	16,5
	+ Giao thông thủy	18.728	
	+ Giao thông bộ	15.778	
	Tổng	209.448	100

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định các khu đất xây dựng lò gạch

Diện tích đất xây dựng các lò gạch: 148.917m² chiếm 71,1% tổng diện tích khu quy hoạch. Chia làm 23 lô đất (Ký hiệu: Từ lô 1 đến lô 23), gồm:

BẢNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP LÔ ĐẤT

KÝ HIỆU LÔ ĐẤT		DIỆN TÍCH (m ²)	SỐ LÔ	KÍCH THƯỚC (m)
Cơ sở sản xuất vật liệu xây (Lò Hoffman)	Lô 1	9.895	01	47 x 215
	Lô 2	9.825	01	47 x 212
	Lô 3	9.755	01	47 x 210
	Lô 4	9.685	01	47 x 209
	Lô 5	9.615	01	47 x 209
	Lô 6	9.752	01	47 x 208
	Lô 7	9.679	01	47 x 206
	Lô 8	9.529	01	47 x 205
Cơ sở sản xuất vật liệu xây (Lò không nung)	Lô 9	4.747	01	25 x 190
	Lô 10	4.747	01	25 x 190
	Lô 11	4.746	01	25 x 190
	Lô 12	4.746	01	25 x 190
	Lô 13	4.745	01	25 x 190
	Lô 14	4.745	01	25 x 190
	Lô 15	4.745	01	25 x 190
	Lô 16	4.744	01	25 x 190
	Lô 17	4.744	01	25 x 190
	Lô 18	4.744	01	25 x 190
	Lô 19	4.742	01	25 x 190
	Lô 20	4.742	01	25 x 190
	Lô 21	4.742	01	25 x 190
	Lô 22	4.740	01	25 x 190
	Lô 23	4.740	01	25 x 190
TỔNG CỘNG		148.917 m ²	23 lô	

- Tầng cao xây dựng tối đa: 2 tầng

- Mật độ xây dựng tối đa: 70%

- Mật độ cây xanh tối thiểu: 5%

- Chỉ giới xây dựng:

+ Trục giao thông chính (đường số 01, đường số 2), mặt cắt (1-1) lộ giới: 13,5m (5-7-1,5). Chỉ giới xây trùng với chỉ giới đường đỏ.

+ Đường giao thông đối ngoại (đường Võ Văn Hoài), mặt cắt (3-3) lộ giới: 9,0m (1,5-6-1,5). Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ 5,5m.

+ Trục giao thông nội bộ, mặt cắt (5-5) lộ giới: 9,0m (1,5-6-1,5). Chỉ giới xây trùng với chỉ giới đường đỏ.

+ Trục giao thông nội bộ, mặt cắt (6-6) lộ giới: 9,0m (1,5-6-1,5). Chỉ giới xây trùng với chỉ giới đường đỏ.

Điều 4. Quy định khu đất xây dựng công trình dịch vụ

- Diện tích: 2.150 m² (gồm: Khu điều hành + Ăn uống giải khát).
- Mật độ xây dựng tối đa: 80%;
- Chỉ giới xây dựng: trùng với chỉ giới đường đỏ.
- Tầng cao tối đa: 3 tầng.

Điều 5. Quy định khu đất xây dựng công trình công cộng

- Diện tích: 1.387 m² (gồm: trạm cấp điện).
- Mật độ xây dựng tối đa: 80%;
- Chỉ giới xây dựng: trùng với chỉ giới đường đỏ.
- Tầng cao tối đa: 1 tầng.

Điều 6. Đất giao thông

6.1. Đất giao thông: gồm giao thông thủy và giao thông bộ với diện tích 34.506m², chiếm 16,5% diện tích quy hoạch, bố trí ở giữa khu quy hoạch và được nối với nhau ở cuối đoạn kênh đào và đây cũng chính là giao thông đối nội, đối ngoại cho toàn khu quy hoạch.

6.2. Các thông số kỹ thuật các tuyến đường được xác định như sau:

Bảng thống kê giao thông cho toàn khu quy hoạch:

Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)			
			Lòng đường	Lề trái	Lề phải	GPC
Đường số 1	13,5	565	7	5,0	1,5	0
Đường số 2	13,5	491	7	5,0	1,5	0
Đường số 3	9,0	52	6	1,5	1,5	0
Đường Võ Văn Hoài	9,0	117	6	1,5	1,5	0
Cầu		45	7,0			
Kênh Đào		468	40			
Diện tích kênh đào	18.720 m ²					
Tổng DT mặt đường	8.406 m ²					

6.3. Các quy định thiết kế đường:

- Độ dốc dọc tối đa i_{max} : 4,00 %
- Độ dốc ngang mặt đường i_n : 2,00 %
- Độ dốc ngang vỉa hè i_{vh} : 1,50 %

- Bán kính đường cong bó vỉa R : 8 – 12 m
- Mô đun đàn hồi mặt đường E_{yc} : ≥ 125 Mpa

6.4. Các quy định thiết kế cầu:

- Chiều dài cầu : 45m gồm ba nhịp 15m
- Chiều rộng mặt cầu : 7,0m
- Chiều rộng lan can : 0,3m x 2 bên
- Tổng chiều rộng mặt cầu : 7,6m
- Độ dốc dọc : 7%
- Độ dốc ngang : 2%
- Tải trọng thiết kế : 8 tấn
- Chiều rộng thông thuyền : 15m
- Chiều cao thông thuyền : 3m (ứng với mực nước lũ cao nhất năm 2012).

Điều 7. Đất cây xanh – đê bao

- Đất cây xanh trên toàn cụm công nghiệp có diện tích 22.488 m², chiếm tỷ lệ 10,7% diện tích quy hoạch; gồm cây xanh cách ly và cây xanh phân tán dọc theo các trục đường giao thông, taluy.

- Yêu cầu về kiến trúc cảnh quan: Cây xanh ven đường, cây xanh trong cụm công nghiệp phải được bố trí phù hợp đảm bảo cảnh quan cụm công nghiệp.

Điều 8. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. San nền chuẩn bị mặt bằng xây dựng

- Phải tuân thủ về hướng, tuyến, độ cao của các mạng đường thoát nước mặt;

- Công tác san nền, chuẩn bị mặt bằng xây dựng chỉ xử lý cục bộ theo từng lô đất, tạo mặt bằng có hướng dốc phù hợp để xây dựng công trình, các khu vực không xây dựng công trình có thể giữ nguyên hiện trạng hoặc san ủi cục bộ phù hợp cảnh quan khu vực.

8.2. Cấp điện

- Nguồn điện cung cấp cho cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Hòa Bình Thanh dự kiến lấy từ trạm biến áp 220/110kv trên tuyến đường Võ Văn Hoài. Dự kiến xây dựng trạm biến áp trung gian 110/22kV với tổng công suất khoảng 20 MVA cấp điện riêng cho cụm công nghiệp.

- Bố trí một trạm biến áp 110kv/22/16 MVA ở đầu cụm công nghiệp, lưới điện hạ thế 0,4kv các trạm biến áp lưới 22/0,4kv và các đoạn tuyến 22kv rẽ nhánh vào các trạm biến áp

- Lưới điện chiếu sáng, đèn đường được cấp từ mạng lưới điện 1 pha, đèn chiếu sáng là loại bóng cao áp thủy ngân 220 – 2x125W cho các đường trong cụm công nghiệp

- Hệ thống chiếu sáng thiết kế theo TCXD VN- 259-2001, tiêu chuẩn chiếu sáng đường phố, quảng trường.

8.3. Về cấp nước

- Nước sử dụng cho sản xuất được các nhà máy lấy trực tiếp từ nước sông qua hệ thống kênh đào.

- Nước sinh hoạt được cung cấp từ hệ thống cấp nước khu vực qua hệ thống ống chạy dọc tuyến đường Võ Văn Hoài.

- Đường ống cấp nước được bố trí theo sơ đồ mạng lưới cụt chạy dọc theo trục giao thông chính của cụm công nghiệp (đường số 1, đường số 2) và các tuyến ống nhánh phân phối nước sạch tới các nơi tiêu thụ nước, đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa PVC Ø60. Bố trí trên vỉa hè độ sâu chôn ống tối thiểu là 0,5m.

- Bố trí trụ chữa cháy trên vỉa hè dọc theo đường số 1 và đường số 2 tại các vị trí thuận tiện để dễ dàng thao tác khi có xảy ra sự cố.

8.4. Về thoát nước thải, thoát nước mưa

Chọn giải pháp thoát nước riêng.

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt phải qua xử lý bằng hầm tự hoại.

- Nước mưa: Nước mưa thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu quy hoạch nằm trên đường số 1, đường số 2 thoát ra rạch chung.

8.5. Về Thông tin – liên lạc

Bố trí 01 tổng đài đặt tại Khu điều hành cung cấp các dịch vụ: điện thoại cố định, Internet, fax . . .

8.6. Thu gom chất thải rắn vệ sinh môi trường

- *Cây xanh*: Trồng cây xanh phân cách, chống bụi, cải tạo vi khí hậu, kết hợp tạo cảnh quan môi trường.

- *Rác thải*: Tỷ lệ thu gom rác thải $\geq 95\%$ tổng lượng rác. Rác thải được thu gom và vận chuyển đến bãi rác chung của huyện.

Ngoài những qui định cụ thể nêu trên, các quy định khác chưa qui định trong quy định quản lý này thì tuân thủ theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam: QCVN VN01: 2008/BXD ngày 03/04/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Quy định về tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm

- Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành thống nhất quản lý toàn diện các hoạt động quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đúng đồ án được duyệt và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về công tác thực hiện theo quy hoạch.

- Việc điều chỉnh cục bộ một số nội dung trong đồ án quy hoạch được duyệt phải được UBND huyện Châu Thành báo cáo về Sở Xây dựng để nghiên cứu trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 10. Quy định công bố thông tin

- Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có trách nhiệm tổ chức công bố đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang được duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội nghị công bố quy hoạch, tổ chức trưng bày đồ án quy hoạch công khai để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

- Sở Xây dựng, UBND huyện Châu Thành có trách nhiệm giúp UBND tỉnh, lưu giữ hồ sơ quy hoạch để phục vụ công tác quản lý và cung cấp các thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân nếu có yêu cầu.

Điều 11. Quy định công bố thông tin

- Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Cụm Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang này có giá trị và được thi hành kể từ ngày ký.

- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu trình UBND tỉnh quyết định. Khi chưa có ý kiến của UBND tỉnh thì không được thay đổi.

- Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Cụm Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và bản Quy định này được ấn hành và lưu giữ tại:

- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Xây dựng tỉnh An Giang;
- Sở Công thương tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Anh Kiệt